UBND TỈNH HÒA BÌNH

HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021

PHÒNG THI SỐ 01

THÔNG BÁO KẾT QUẢ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 3257 /TB-HĐT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chức vụ hiện giữ (hoặc chức danh đang đảm nhiệm)	Cơ quan, đơn vị đang công tác	Kết quả thi				Ghi chú
			Nam	Nữ				Môn Kiến thức chung *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 60 câu hỏi)*	Môn Tiếng Anh *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Môn Tin học *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Điểm môn nghiệp vụ, chuyên ngành	
1	KT01	Phạm Thị Anh		27/4/1990	Kinh	Kế toán viên cao đẳng	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	46	25	28	70	
2	KT02	Nông Đức Anh	15/4/1991		Tày	Kế toán viên cao đẳng	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình		Miễn thi			Bỏ thi
3	KT03	Bùi Thị Ánh		12/12/1987	Mường	Kế toán viên trung cấp	Trường Mầm non Thanh Hối	49	Miễn thi	27	66	
4	KT04	Phùng Thị Dân		18/5/1983	Mường	Kế toán viên Trung cấp	Trường THPT Yên Hòa	46	Miễn thi	26	54	
5	KT05	Hà Thị Dần		05/5/1974	Thái	Kế toán viên Trung cấp	Trường Phổ thông DTNT THCS&THPT B huyện Mai Châu	40	Miễn thi	30	53	
6	KT06	Phạm Thị Ánh Đào		14/02/1987	Kinh	Kế toán viên Trung cấp	Hội Chữ Thập đỏ tỉnh	45	Miễn thi	28	67	
7	KT07	Nguyễn Thị Giang		02/02/1989	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Lạc Lương	52	Miễn thi	26	71	
8	KT08	Hà Thị Giang		28/10/1978	Thái	Kế toán viên cao đẳng	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Mai Châu	50	Miễn thi	26	69	
9	KT09	Bùi Thị Hải Hà		17/5/1987	Mường	Kế toán viên cao đẳng	Trường THPT Nam Lương Sơn	46	Miễn thi	29	78	
10	KT10	Đoàn Thị Hà		10/10/1994	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Trường TH&THCS Hợp Hòa	46	25	28	69	
11	KT11	Lê Thị Hằng		20/3/1992	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	49	23	30	58	
12	KT12	Kiều Thị Thu Hằng		05/7/1988	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Phòng Nội vụ thành phố Hoà Bình	49	Miễn thi	29	69	
13	KT13	Phan Thành Hiếu	03/10/1994		Kinh	Kế toán viên trung cấp	Trường Mầm non xã Hang Kia	54	Miễn thi	26	60	
14	KT14	Hà Công Hợp	16/12/1983		Thái	Kế toán viên cao đẳng	Trường trung học phổ thông Mai Châu B	50	Miễn thi	26	71	
15	KT15	Nguyễn Thị Huế		16/01/1985	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Trường TH&THCS Gia Mô	50	23	28	71	
16	KT16	Nguyễn Thị Huyền		08/11/1981	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	48	Miễn thi	25	68	
17	KT17	Bùi Thị Huyền		24/6/1987	Mường	Kế toán viên trung cấp	Phòng Vật tư - TBYT Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	50	Miễn thi	28	79	
18	KT18	Phạm Thị Thu Hương		11/11/1984	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Lạc Thịnh	49	Miễn thi	26	75	
19	KT19	Nguyễn Hồng Lịch		14/12/1990	Mường	Kế toán viên trung cấp	Trường TH&THCS Trung Sơn	50	Miễn thi	29	84	
20	KT20	Vì Thị Liễu		19/8/1993	Thái	Kế toán viên trung cấp	Trường Mầm non Nà Mèo	50	Miễn thi	26	79	
21	KT21	Trần Thị Ngọc Mai		15/12/1991	Kinh	Kế toán viên cao đẳng	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Đà Bắc	54	22	29	67	
22	KT22	Ngô Thị Tuyết Mai		06/11/1978	Kinh	Kế toán viên Trung cấp	Hội Người cao tuổi tỉnh	48	21	25	73	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chức vụ hiện giữ (hoặc chức danh đang đảm nhiệm)	Cơ quan, đơn vị đang công tác	Kết quả thi				Ghi chú
			Nam	Nữ				Môn Kiến thức chung *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 60 câu hỏi)*	Môn Tiếng Anh *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Môn Tin học *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Điểm môn nghiệp vụ, chuyên ngành	
23	KT23	Trần Thị Nhung		24/11/1990	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Tân Lạc	48	Miễn thi	29	80	
24	KT24	Bùi Văn Phú	22/01/1987		Mường	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm Văn hóa, thể thao và Truyền thông huyện Yên Thủy	50	Miễn thi	27	66	
25	KT25	Nguyễn Thị Phương		10/03/1993	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Thư viện tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	50	Miễn thi	27	69	
26	KT26	Lê Thị Thúy Phương		22/6/1983	Kinh	Kế toán viên Trung cấp	Trường THPT Kim Bôi	48	Miễn thi	25	70	
27	KT27	Bùi Thị Hà Phương		20/11/1991	Mường	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Tân Lạc	50	Miễn thi	29	86	
28	KT28	Trương Thị Như Quỳnh		20/01/1988	Tày	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Kim Đồng	47	Miễn thi	23	84	
29	KT29	Vũ Hoài Sâm		14/11/1978	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Trường Mầm non Sơn Ca	53	26	28	82	
30	KT30	Hoàng Thị Tâm		14/01/1985	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Trường TH&THCS Hòa Bình	42	21	25	55	
31	KT31	Bùi Thị Tin		17/6/1986	Mường	Kế toán viên trung cấp	Trường TH&THCS Thanh Hối	43	Miễn thi	26	86	
32	KT32	Nguyễn Minh Tuyên		17/11/1979	Mường	Kế toán viên Trung cấp	Trường THPT Phú Cường	38	Miễn thi	24	76	
33	KT33	Bùi Thị Tuyết		05/01/1985	Mường	Kế toán viên trung cấp	Trường Mầm non Bắc Sơn	48	Miễn thi	28	71	
34	KT34	Đỗ Thị Phương Thảo		26/10/1983	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	53	Miễn thi	25	70	
35	KT35	Bùi Thị Phương Thảo		19/8/1988	Mường	Kế toán viên trung cấp	Trường MN Hòa Sơn	51	Miễn thi	27	86	
36	KT36	Phạm Thị Thảo		09/8/1986	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Trường Mầm non Thị trấn Mường Khến	49	24	28	74	
37	KT37	Võ Thị Thắng		14/9/1975	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Trường Mầm non Piềng Vế	39	22	26	60	
38	KT38	Hà Thị Thiên		10/7/1986	Thái	Kế toán viên trung cấp	Trường Mầm non xã Tòng Đậu	46	Miễn thi	25	82	
39	KT39	Mai Thị Thơm		10/10/1988	Kinh	Kế toán toán viên cao đẳng	Trường TH&THCS Mai Hạ	44	25	28	82	
40	KT40	Hà Thị Thuận		23/02/1985	Mường	Kế toán viên cao đẳng	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	41	Miễn thi	26	68	
41	KT41	Hà Thị Thuỷ		20/7/1977	Thái	Kế toán viên trung cấp	Trường Mầm non Cun Pheo	50	Miễn thi	24	57	
42	KT42	Hà Thị Thuỷ		14/7/1990	Thái	Kế toán viên trung cấp	Trường TH&THCS Cun Pheo	49	Miễn thi	28	72	
43	KT43	Mai Thị Diệu Thúy		08/11/1983	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	50	Miễn thi	28	67	
44	KT44	Nguyễn Thị Thanh Thương		08/9/1985	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính Kế toán -Bệnh viện YHCT	45	Miễn thi	26	74	
45	KT45	Bùi Thị Trang		04/5/1985	Mường	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán - Trung tâm Y tế huyện Lạc Sơn	54	Miễn thi	29	73	

UBND TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021

PHÒNG THI SỐ 02

THÔNG BÁO KẾT QUẢ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 3257 /TB-HĐT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chức vụ hiện giữ (hoặc chức danh đang đảm nhiệm)	Cơ quan, đơn vị đang công tác	Kết quả thi				Ghi chú
			Nam	Nữ				Môn Kiến thức chung *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 60 câu hỏi)*	Môn Tiếng Anh *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Môn Tin học *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Điểm môn nghiệp vụ, chuyên ngành	
1	CVC01	Trần Văn An	28/4/1975		Kinh	Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng GD	Sở Giáo dục và Đào tạo	42	Miễn thi	29	70.5	
2	CVC02	Bùi Phương Anh		07/10/1984	Mường	Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ	Sở Y tế	52	Miễn thi	30	74.5	
3	CVC03	Lê Thị Ánh		04/5/1981	Kinh	Công chức phòng Kế hoạch - TC- TH	Sở Công Thương	49	Miễn thi	28	78	
4	CVC04	Nguyễn Ngọc Ánh		30/12/1983	Mường	Chuyên viên	Phòng Nội vụ huyện kim Bôi	51	Miễn thi	28	74.5	
5	CVC05	Phạm Văn Báo	19/5/1982		Kinh	Trưởng phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường	Sở Công Thương	50	Miễn thi	29	64	
6	CVC06	Nguyễn Hữu Cường	09/12/1977		Kinh	Trưởng phòng	Phòng Kinh tế thành phố Hoà Bình	46	Miễn thi	27	65.5	
7	CVC07	Nguyễn Quỳnh Chi		17/02/1981	Kinh	Phó Trưởng phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	48	Miễn thi	30	72.5	
8	CVC08	Nguyễn Cảnh Chi	17/11/1981		Kinh	Phó trưởng Ban pháp chế, HĐND huyện	Văn phòng HĐND&UBND huyện Tân Lạc	53	26	28	79	
9	CVC09	Nguyễn Văn Chinh	05/01/1975		Kinh	Chuyên viên	Phòng kinh tế ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư	43	Miễn thi	30	63	
10	CVC10	Phạm Minh Dân	15/01/1976		Kinh	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Quản lý đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	49	Miễn thi	28	61.5	
11	CVC11	Nguyễn Thị Hồng Diễm		26/12/1976	Kinh	Trưởng phòng Giáo dục Tiểu học	Sở Giáo dục và Đào tạo	45	Miễn thi	28	60.5	
12	CVC12	Tạ Ngọc Doanh	17/11/1971		Kinh	Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND&UBND	51	Miễn thi	25	64.5	
13	CVC13	Đinh Văn Duẩn	18/10/1974		Mường	Trưởng phòng	Phòng Lao động- TB và XH huyện Cao Phong	46	Miễn thi	30	63	
14	CVC14	Hà Thị Dược		16/7/1976	Thái	Phó Chủ tịch HĐND huyện	UBND huyện Mai Châu	55	Miễn thi	27	65	
15	CVC15	Đinh Thùy Dương		20/7/1982	Mường	Phó Trưởng phòng	Phòng Tuyên truyền và Địa Bàn	48	Miễn thi	30	69	
16	CVC16	Quách Khắc Dương	14/02/1981		Mường	Trưởng phòng	Phòng TN-MT huyện Lạc Sơn	48	Miễn thi	28	64.5	
17	CVC17	Hoàng Anh Đại	19/9/1977		Kinh	Chuyên viên phòng CCVC	Sở Nội vụ	46	Miễn thi	29	63.5	
18	CVC18	Lê Xuân Đăng	10/02/1978		Kinh	Trưởng phòng tổ chức cán bộ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	47	Miễn thi	26	66	
19	CVC19	Vương Minh Đức	21/08/1977		Kinh	Trưởng Phòng Hành chính - Tổ chức	VP UBND tỉnh	49	Miễn thi	30	62.5	
20	CVC20	Nguyễn Anh Đức	30/7/1976		Mường	Phó Chủ tịch UBND	UBND huyện Lương Sơn	46	Miễn thi	29	62	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chức vụ hiện giữ (hoặc chức danh đang đảm nhiệm)	Cơ quan, đơn vị đang công tác	Kết quả thi				Ghi chú
			Nam	Nữ				Môn Kiến thức chung *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 60 câu hỏi)*	Môn Tiếng Anh *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Môn Tin học *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Điểm môn nghiệp vụ, chuyên ngành	
21	CVC21	Đinh Văn Đức	19/10/1975		Kinh	Phó Ban Pháp chế HĐND huyện Lương Sơn	Hội đồng nhân dân huyện Lương Sơn	48	Miễn thi	30	59.5	
22	CVC22	Đinh Thị Vân Giang		24/7/1982	Kinh	Phó Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính - Tổng Hợp	Sở Công Thương	54	Miễn thi	30	77.5	
23	CVC23	Quản Văn Giang	13/02/1969		Kinh	Trưởng phòng	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đà Bắc	46	Miễn thi	Miễn thi	60.5	
24	CVC24	Đặng Huy Hà	31/7/1978		Kinh	Chuyên viên Phòng Công tác Hội đồng nhân dân	Văn phòng Đoàn ĐBQH &HĐND tỉnh	50	Miễn thi	28	56.5	
25	CVC25	Lê Thị Thanh Hà		16/10/1979	Kinh	Phó trưởng Phòng Hành chính - Bổ trợ tư pháp	Sở Tư pháp	46	Miễn thi	29	73	
26	CVC26	Nguyễn Thị Thu Hà		09/07/1984	Mường	Chuyên viên Phòng Quản lý giá công sản	Sở Tài chính	40	Miễn thi	26	70.5	
27	CVC27	Trần Thị Thu Hà		15/8/1974	Kinh	Phó Trưởng phòng Quản lý xây dựng	Sở Xây dựng	37	Miễn thi	30	58	
28	CVC28	Nguyễn An Hà	07/9/1980		Mường	Trưởng phòng	Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Hoà Bình	44	Miễn thi	29	62.5	
29	CVC29	Diệp Xuân Hà	30/10/1976		Kinh	Phó Giám đốc TT Điều dưỡng NCC Kim Bôi	Sở Lao động - Thương binh vã Xã hội	53	Miễn thi	29	66.5	
30	CVC30	Bùi Thanh Hà	13/3/1983		Mường	Phó giám đốc	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Kim Bôi	48	Miễn thi	27	71	
31	CVC31	Lê Xuân Hải	19/11/1982		Kinh	Phó Trưởng Phòng Quản lý đầu tư và Hợp tác QT	Sở Công Thương	53	Miễn thi	30	67.5	
32	CVC32	Phạm Thanh Hải	05/11/1980		Kinh	Trưởng phòng Nội vụ	Uỷ ban nhân dân huyện Mai Châu	51	Miễn thi	28	67.5	
33	CVC33	Nguyễn Hồng Hải	15/12/1972		Kinh	Phó Giám đốc	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Hoà Bình	52	24	29	62.5	
34	CVC34	Trần Đạo Hạnh	21/10/1976		Kinh	Trưởng phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám	Sở Tài nguyên và Môi trường	48	Miễn thi	Miễn thi	62	
35	CVC35	Đỗ Thị Hệ		15/02/1973	Kinh	Phó trưởng phòng	Phòng GD&ĐT thành phố Hoà Bình	47	Miễn thi	30	77	
36	CVC36	Nguyễn Thị Thu Hiền		03/02/1985	Kinh	Phó Chi Cục Trưởng	Chi Cục dân số Kế hoạch hóa gia đình, Sở Y tế	49	Miễn thi	29	68	
37	CVC37	Trần Trung Hiếu	29/9/1977		Kinh	Trưởng phòng	Phòng Quản lý thương mại, Sở Công Thương	48	Miễn thi	27	64.5	
38	CVC38	Đoàn Trung Hiếu	25/5/1985		Kinh	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và PTNT	48	Miễn thi	29	63.5	
39	CVC39	Trần Hòa	28/08/1978		Kinh	Chánh Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	52	Miễn thi	Miễn thi	63.5	
40	CVC40	Nguyễn Xuân Hòa	01/10/1975		Kinh	Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND&UBND huyện Lạc Thuỷ	50	Miễn thi	27	67	
41	CVC41	Bùi Quang Hòa	15/9/1975		Mường	Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND huyện Kim Bôi	48	Miễn thi	27	71	

UBND TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021

PHÒNG THI SỐ 03

THÔNG BÁO KẾT QUẢ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 3425 /TB-HĐT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chức vụ hiện giữ (hoặc chức danh đang đảm nhiệm)	Cơ quan, đơn vị đang công tác	Kết quả thi				Ghi chú
			Nam	Nữ				Môn Kiến thức chung *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 60 câu hỏi)*	Môn Tiếng Anh *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Môn Tin học *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Điểm môn nghiệp vụ, chuyên ngành	
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*					*22*
1	CVC42	Vũ Đức Hồng	03/5/1978		Kinh	Phó Trưởng phòng	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cao Phong	52	Miễn thi	29	64.5	
2	CVC43	Kim Thị Hồng		26/08/1972	Kinh	Phó trưởng phòng	Phòng GD&ĐT thành phố Hoà Bình	48	26	28	70	
3	CVC44	Nguyễn Mạnh Hùng	07/12/1981		Kinh	Phó trưởng phòng	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Lạc	51	27	Miễn thi	70.5	
4	CVC45	Lê Đức Hùng	25/11/1972		Kinh	Phó Chủ tịch	UBND huyện Kim Bôi	43	Miễn thi	28	58	
5	CVC46	Nguyễn Vũ Hùng	21/9/1979		Kinh	Giám đốc Trung tâm Phát triển hạ tầng và dịch vụ khu công nghiệp	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	47	Miễn thi	28	55.5	
6	CVC47	Bùi Liên Huy	18/05/1976		Mường	Trưởng phòng	Phòng Nội vụ huyện Yên Thủy		Miễn thi			Bỏ thi
7	CVC48	Hoàng Thị Thu Huyền		09/01/1979	Kinh	Phó trưởng phòng	Phòng Tư pháp thành phố Hoà Bình	39	Miễn thi	24	75.5	
8	CVC49	Đinh Công Huynh	30/11/1976		Mường	Giám đốc	Ban Quản lý dự án và tu bổ các công trình NN&PTNT	48	Miễn thi	30	61.5	
9	CVC50	Nguyễn Đức Hưng	11/4/1986		Kinh	Trưởng phòng	Phòng Tổng hợp quy hoạch, Sở Kế hoạch và Đầu tư	47	Miễn thi	28	61.5	
10	CVC51	Bùi Xuân Hưng	22/6/1981		Kinh	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý năng lượng, Sở Công Thương	48	Miễn thi	30	66.5	
11	CVC52	Doãn Quang Hưng	17/5/1979		Kinh	Chi cục trưởng	Chi cục Quản lý đất đai, Sở TN&MT	48	Miễn thi	29	62	
12	CVC53	Đỗ Thị Hương		17/4/1974	Kinh	Phó Chánh Văn phòng Sở	Sở Nội vụ	49	Miễn thi	29	71.5	
13	CVC54	Vũ Tiến Hương	21/02/1983		Kinh	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý công nghiệp, Sở Công Thương	51	Miễn thi	27	64.5	
14	CVC55	Nguyễn Thị Hương		22/3/1969	Kinh	Phó Chủ tịch	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	41	Miễn thi	27	69.5	
15	CVC56	Đặng Thị Thu Hường		23/12/1985	Kinh	Chánh Văn phòng	Văn phòng Sở Tư pháp	51	Miễn thi	25	71.5	
16	CVC57	Bùi Thị Hường		01/9/1974	Mường	Chánh Văn phòng	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	45	Miễn thi	28	61.5	
17	CVC58	Trần Trung Kiên	03/11/1979		Mường	Trưởng phòng	Phòng Văn Hóa và Thông tin huyện Yên Thủy	48	Miễn thi	30	62	
18	CVC59	Bùi Văn Khánh	02/12/1983		Mường	Giám đốc	Ban QL dự án đầu tư xây dựng huyện Lạc Sơn	46	Miễn thi	Miễn thi	69.5	
19	CVC60	Phan Thị Liệu		07/7/1974	Kinh	Giám đốc	Trung tâm Điều dưỡng Người có công Kim Bôi, Sở LĐ-TB&XH	52	Miễn thi	30	65.5	
20	CVC61	Nguyễn Thị Thuỳ Linh		15/10/1982	Mường	Phó trưởng phòng	Phòng Quản lý giá công sản, Sở Tài chính	53	Miễn thi	28	74	
21	CVC62	Nguyễn Thị Kim Loan		24/03/1976	Mường	Phó Trưởng phòng	Phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính	51	Miễn thi	29	79.5	
22	CVC63	Lại Anh Long	02/01/1977		Kinh	Trưởng phòng	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cao Phong	49	Miễn thi	29	72	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chức vụ hiện giữ (hoặc chức danh đang đảm nhiệm)	Cơ quan, đơn vị đang công tác	Kết quả thi				Ghi chú
			Nam	Nữ				Môn Kiến thức chung *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 60 câu hỏi)*	Môn Tiếng Anh *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Môn Tin học *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Điểm môn nghiệp vụ, chuyên ngành	
1		*2*		*4*	*5*	*6*	*7*					*22*
23	CVC64	Lê Thị Tuyết Mai		14/8/1976	Kinh	Phó Trưởng phòng Dịch vụ, tư vấn và Hỗ trợ doanh nghiệp	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Hòa Bình	47	Miễn thi	28	70	
24	CVC65	Nguyễn Văn Minh	30/4/1986		Kinh	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý quy hoạch, xây dựng và môi trường, Ban QL các khu công nghiệp tỉnh	47	Miễn thi	29	68.5	
25	CVC66	Nguyễn Trọng Nam	06/02/1979		Kinh	Chánh Văn phòng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	48	Miễn thi	27	68.5	
26	CVC67	Quách Danh Nam	11/04/1980		Mường	Phó Trưởng phòng	Phòng Nông và Phát triển nông thôn huyện Lạc Thuỷ	47	Miễn thi	29	71.5	
27	CVC68	Nguyễn Thị Kim Ngọc		20/01/1983	Kinh	Chánh Văn phòng	Sở Tài chính	48	Miễn thi	28	69	
28	CVC69	Bùi Thị Nhung		31/12/1986	Mường	Phó trưởng phòng	Phòng Nội vụ huyện Yên Thủy	52	Miễn thi	30	74	
29	CVC70	Phạm Thị Kim Oanh		28/02/1971	Kinh	Phó Trưởng phòng Giáo dục Tiểu học	Sở Giáo dục và Đào tạo	48	Miễn thi	26	71.5	
30	CVC71	Nguyễn Thị Kim Oanh		21/7/1987	Mường	Trưởng phòng	Phòng Chính sách dân tộc, Ban Dân tộc	48	Miễn thi	**30**	71.5	
31	CVC72	Bùi Kim Phúc		21/10/1976	Mường	Trưởng phòng Quản lý văn hóa	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	47	Miễn thi	27	61	
32	CVC73	Bùi Thị Minh Phượng		14/4/1977	Kinh	Trưởng phòng	Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật, Sở Tư pháp	45	Miễn thi	30	66	
33	CVC74	Bùi Minh Quang	13/10/1982		Mường	Chuyên viên	Phòng Tổng hợp - Dân nguyện, Văn phòng Đoàn ĐBQH &HĐND tỉnh	51	Miễn thi	24	58	
34	CVC75	Bùi Văn Quý	19/01/1969		Mường	Phó trưởng Ban Kinh tế - Xã hội, HĐND huyện	Văn phòng HĐND&UBND huyện	35	Miễn thi	25	55	
35	CVC76	Đào Tiến Quyết	16/10/1972		Kinh	Trưởng phòng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Đà Bắc	55	Miễn thi	27	65	
36	CVC77	Nhâm Thị Hoa Sen		05/8/1982	Kinh	Phó trưởng phòng	Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật, Sở Tư pháp	50	Miễn thi	30	78.5	
37	CVC78	Hoàng Văn Son	08/01/1969		Mường	Chi cục trưởng	Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và PTNT	43	Miễn thi	23	64	
38	CVC79	Nguyễn Thái Sơn	13/4/1975		Mường	Phó Giám đốc	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông	48	Miễn thi	25	61	
39	CVC80	Nguyễn Thanh Tân	20/11/1982		Kinh	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Sở Giao thông vận tải	51	Miễn thi	29	59	
40	CVC81	Nguyễn Duy Tiến	15/11/1982		Kinh	Phó Trưởng phòng Giáo dục Trung học	Sở Giáo dục và Đào tạo	50	Miễn thi	28	69	
41	CVC82	Hoàng Xuân Tiến	28/7/1979		Kinh	Phó Giám đốc Trung tâm khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	Sở Công Thương	51	Miễn thi	29	65	
42	CVC83	Phạm Minh Toàn	19/10/1975		Kinh	Phó Trưởng phòng	Phòng Tổng hợp - Dân nguyện, Văn phòng Đoàn ĐBQH &HĐND tỉnh	43	Miễn thi	29	63	

UBND TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021

PHÒNG THI SỐ 04

THÔNG BÁO KẾT QUẢ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 2254 /TB-HĐT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chức vụ hiện giữ (hoặc chức danh đang đảm nhiệm)	Cơ quan, đơn vị đang công tác	Kết quả thi				Ghi chú
			Nam	Nữ				Môn Kiến thức chung *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 60 câu hỏi)*	Môn Tiếng Anh *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Môn Tin học *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Điểm môn nghiệp vụ, chuyên ngành	
1	CVC84	Nguyễn Đại Tuân	20/7/1982		Kinh	Chánh Văn phòng	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	31	Miễn thi	25	71	
2	CVC85	Bùi Văn Tuấn	19/4/1977		Mường	Chánh Văn phòng Sở	Sở Nội vụ	47	Miễn thi	28	74.5	
3	CVC86	Nguyễn Hồng Tuấn	21/01/1971		Kinh	Chi cục trưởng	Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và PTNT	46	Miễn thi	25	61	
4	CVC87	Nguyễn Duy Tuấn	04/4/1974		Kinh	Phó Trưởng phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải	50	25	30	65	
5	CVC88	Nguyễn Anh Tuấn	11/4/1978		Kinh	Phó Ttrưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	52	Miễn thi	Miễn thi	59	
6	CVC89	Nguyễn Đức Tuấn	01/12/1981		Kinh	Phó Giám đốc	Trung tâm Phát triển quỹ đất, Sở Tài nguyên và Môi trường	44	25	29	67	
7	CVC90	Nguyễn Mạnh Tuấn	31/1/1969		Kinh	Phó Giám đốc	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông	40	Miễn thi	26	61	
8	CVC91	Nguyễn Trí Tuệ	29/7/1969		Kinh	Giám đốc TT	Trung tâm Tin học và Công báo, Văn phòng UBND tỉnh	48	Miễn thi	Miễn thi	58	
9	CVC92	Đinh Sơn Tùng	18/11/1983		Mường	Trưởng phòng	Phòng Văn hoá và Thông tin huyện Tân Lạc	47	Miễn thi	26	69.5	
10	CVC93	Phạm Ngọc Tùng	29/10/1975		Kinh	Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện	Văn phòng HĐND&UBND huyện Tân Lạc	50	25	30	68	
11	CVC94	Nguyễn Thế Tùng	18/9/1981		Mường	Phó Trưởng phòng	Phòng Nội vụ huyện Cao Phong	55	Miễn thi	Miễn thi	60	
12	CVC95	Đặng Xuân Tuyên	25/5/1972		Kinh	Phó Trưởng phòng	Phòng Phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật, Sở Xây dựng	50	24	29	75	
13	CVC96	Nguyễn Quang Tự	15/11/1981		Kinh	Điều dưỡng Trưởng, phòng Nghiệp vụ Y	Sở Y tế	50	Miễn thi	29	73.5	
14	CVC97	Phạm Văn Thái	24/11/1971		Kinh	Giám đốc	Ban quản lý các dự án ODA tỉnh Hoà Bình	48	Miễn thi	29	67	
15	CVC98	Nguyễn Quang Thanh	15/09/1970		Kinh	Trưởng phòng Khoa giáo văn xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư	42	Miễn thi	26	70	
16	CVC99	Bùi Huy Thành	10/12/1979		Kinh	Phó Giám đốc	Trung tâm Hành chính công, VP UBND tỉnh	50	Miễn thi	30	65	
17	CVC100	Phạm Quang Thành	02/3/1978		Kinh	Trưởng phòng	Phòng Quản lý ngân sách, Sở Tài chính	50	Miễn thi	29	62	
18	CVC101	Bùi Đức Thành	28/11/1982		Mường	Chuyên viên	Phòng Chính sách dân tộc, Ban Dân tộc tỉnh	54	Miễn thi	29	68	
19	CVC102	Đặng Trung Thành	14/7/2980		Mường	Giám đốc	Trung tâm Nước sách và Vệ sinh MTNT, Sở Nông nghiệp và PTNT	46	Miễn thi	29	62	
20	CVC103	Bùi Phương Thảo		06/12/1986	Mường	Trưởng phòng Công tác Hội đồng nhân dân	Văn phòng Đoàn ĐBQH &HĐND tỉnh	58	Miễn thi	29	69.5	
21	CVC104	Hà Trung Thảo	17/10/1979		Thái	Phó Chủ tịch	UBND huyện Mai Châu	53	Miễn thi	26	73	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chức vụ hiện giữ (hoặc chức danh đang đảm nhiệm)	Cơ quan, đơn vị đang công tác	Kết quả thi				Ghi chú
			Nam	Nữ				Môn Kiến thức chung *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 60 câu hỏi)*	Môn Tiếng Anh *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Môn Tin học *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Điểm môn nghiệp vụ, chuyên ngành	
22	CVC105	Bùi Thị Thảo		23/7/1985	Mường	Phó Trưởng phòng	Phòng Tư pháp huyện Tân Lạc	52	Miễn thi	30	75.5	
23	CVC106	Đinh Toàn Thắng	25/12/1975		Kinh	Phó chánh Văn phòng	Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư	50	Miễn thi	29	67	
24	CVC107	Vũ Tài Thắng	12/12/1980		Kinh	Chuyên viên, phòng Tổ chức cán bộ	Sở Y tế	52	Miễn thi	30	73	
25	CVC108	Đào Anh Thép	03/01/1972		Kinh	Trưởng phòng	Phòng Khoáng sản, Sở TN&MT	49	Miễn thi	27	73	
26	CVC109	Nguyễn Đức Thọ	15/6/1977		Mường	Phó Chánh Văn phòng Sở	Sở Nội vụ	53	Miễn thi	29	69	
27	CVC110	Lê Thanh Thỏa	04/3/1973		Kinh	Trưởng phòng	Phòng Nội vụ huyện Lạc Thuỷ	51	23	25	58	
28	CVC111	Ngô Xuân Thu	12/11/1979		Kinh	Trưởng phòng Tôn giáo	Sở Nội vụ	50	Miễn thi	30	66	
29	CVC112	Nguyễn Thị Thu Thuỷ		15/08/1976	Kinh	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý Ngân sách, Sở Tài chính	42	Miễn thi	29	75	
30	CVC113	Nguyễn Thị Thu Thủy		25/11/1980	Mường	Chuyên viên phòng TCBC	Sở Nội vụ	49	Miễn thi	30	69	
31	CVC114	Phạm Thị Thanh Thủy		23/07/1979	Kinh	Phó phòng Doanh nghiệp kinh tế tập thể và tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư	48	Miễn thi	30	68.5	
32	CVC115	Trương Thanh Thủy	01/03/1982		Kinh	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản, Sở Nông nghiệp và PTNT	51	Miễn thi	30	74	
33	CVC116	Nguyễn Văn Trung	28/11/1970		Mường	Phó Giám Đốc	Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ vùng Dân tộc, Ban Dân tộc	47	Miễn thi	29	61	
34	CVC117	Hà Tiến Trường	17/9/1976		Kinh	Phó Trưởng phòng	Phòng Nông và Phát triển nông thôn huyện Lạc Thuỷ	51	23	29	64	
35	CVC118	Đỗ Đức Trường	06/3/1977		Kinh	Giám đốc Trung tâm Khuyến nông	Trung tâm Khuyến nông, Sở Nông nghiệp và PTNT	44	26	29	64	
36	CVC119	Nguyễn Tiến Việt	26/02/1969		Kinh	Trưởng phòng	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lương Sơn	51	Miễn thi	29	62	
37	CVC120	Hoàng Anh Vũ	19/10/1982		Kinh	Trưởng phòng Quản lý công nghệ và thị trường công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	48	Miễn thi	27	69	
38	CVC121	Bùi Anh Quốc Vương	16/04/1985		Mường	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND huyện Lạc Sơn	51	Miễn thi	29	71	
39	CVC122	Lưu Thị Hải Yến		06/8/1981	Kinh	Chuyên viên	Chi cục Quản lý đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	47	Miễn thi	27	73	
40	CVC123	Lê Thị Hải Yến		04/7/1977	Kinh	Phó Trưởng phòng	Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện Lạc Thuỷ	47	Miễn thi	29	74	
41	CVC124	Nguyễn Khắc Yến	01/01/1972		Kinh	Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Lương Sơn	49	Miễn thi	28	60	

UBND TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021

PHÒNG THI SỐ 05

THÔNG BÁO KẾT QUẢ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 3257 /TB-HĐT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chức vụ hiện giữ (hoặc chức danh đang đảm nhiệm)	Cơ quan, đơn vị đang công tác	Kết quả thi				Ghi chú
			Nam	Nữ				Môn Kiến thức chung *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 60 câu hỏi)*	Môn Tiếng Anh *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Môn Tin học *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Điểm môn nghiệp vụ, chuyên ngành	
1	CV01	Bạch Công Thanh Bình	26/8/1988		Mường	Cán sự	Phòng Y tế huyện Kim Bôi	56	Miễn thi	29	60	
2	CV02	Nguyễn Văn Cường	19/01/1971		Mường	Cán sự	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Kim Bôi	51	Miễn thi	28	50	
3	CV03	Bùi Thị Hạnh		10/03/1979	Mường	Cán sự	Phòng Lao động - TBXH huyện Yên Thủy	51	Miễn thi	29	51	
4	CV04	Hoàng Thị Thu Hằng		10/10/1985	Kinh	Cán sự	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Cao Phong	51	25	26	69	
5	CV05	Nguyễn Thị Hậu	07/10/1985		Kinh	Phó Trưởng phòng	Phòng Hành chính, Hội Đông y tỉnh	58	Miễn thi	29	65	
6	CV06	Đinh Thị Thanh Hoa		05/8/1978	Mường	Cán sự	Hội Chữ thập đỏ huyện Kim Bôi	49	Miễn thi	Miễn thi	62	
7	CV07	Nguyễn Thị Thanh Hoan		07/4/1983	Kinh	Cán sự	Trung tâm XTĐT, TM&DL tỉnh Hòa Bình	55	Miễn thi	Miễn thi	70	
8	CV08	Bùi Thị Huệ		15/11/1986	Mường	Cán sự	Hội Chữ thập đỏ huyện Đà Bắc	52	Miễn thi	25	78	
9	CV09	Đinh Thị Thu Hương		24/9/1992	Kinh	Cán sự	Phòng Tổng hợp - Dân nguyện, Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh	54	Miễn thi	29	77	
10	CV10	Bùi Văn Mạo	20/9/1972		Mường	Cán sự	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Kim Bôi	43	Miễn thi	24	50	
11	CV11	Bùi Thị Nga		31/7/1981	Mường	Cán sự	Phòng Y tế huyện Kim Bôi	56	Miễn thi	22	52	
12	CV12	Nguyễn Thị Nga		28/08/1972	Kinh	Cán sự	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Hòa Bình, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	51	24	Miễn thi	66	
13	CV13	Nguyễn Thị Ngân		04/3/1989	Kinh	Cán sự	Văn phòng HĐND&UBND huyện Cao Phong	50	23	25	68	
14	CV14	Nguyễn Xuân Phúc	12/6/1983		Kinh	Cán sự	Trung tâm Công tác xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	54	28	29	59	
15	CV15	Phạm Ngọc Sơn	04/12/1968		Kinh	Cán sự	Ban Quản lý dự án xây dựng huyện Kim Bôi	54	Miễn thi	29	57	
16	CV16	Nguyễn Thanh Tâm		24/9/1983	Kinh	Cán sự	Phòng Nghiệp vụ Kiểm tra phong trào, Liên minh Hợp tác xã	47	Miễn thi	28	72	
17	CV17	Nguyễn Thị Tiệp		11/8/1980	Mường	Cán sự	Trung tâm Công tác xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	50	Miễn thi	27	60	
18	CV18	Bùi Văn Tính	11/11/1984		Mường	Cán sự	Cơ sở cai nghiện ma túy số II, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	48	Miễn thi	27	63	
19	CV19	Nguyễn Tất Thắng	01/9/1971		Mường	Cán sự	Ban Chăm sóc sức khỏe, Hội Chữ thập đỏ tỉnh	55	Miễn thi	26	58	
20	CV20	Nguyễn Thị Thu		29/05/1982	Kinh	Cán sự	Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Đà, Sở Nông nghiệp và PTNT	53	28	29	58	
21	CV21	Nguyễn Thị Thủy		31/12/1987	Kinh	Cán sự	Phòng Tổ chức hành chính-Chi Cục DSKHHGĐ, Sở Y tế	53	Miễn thi	29	61	
22	CV22	Đặng Thị Trang		07/05/1986	Kinh	Cán sự	Phòng Tư pháp Thành phố Hoà Bình	48	Miễn thi	30	62	
23	CV23	Trần Thị Trang		01/10/1982	Kinh	Cán sự	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện Lương Sơn	54	24	29	68	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chức vụ hiện giữ (hoặc chức danh đang đảm nhiệm)	Cơ quan, đơn vị đang công tác	Kết quả thi				Ghi chú
			Nam	Nữ				Môn Kiến thức chung *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 60 câu hỏi)*	Môn Tiếng Anh *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Môn Tin học *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Điểm môn nghiệp vụ, chuyên ngành	
24	CV24	Lò Thụy Ái Vi		08/10/1984	Thái	Cán sự	Phòng Tổ chức hành chính-TTYT thành phố Hòa Bình	46	Miễn thi	Miễn thi	58	
25	KS01	Quách Thị Danh		12/7/1978	Mường	Cán bộ phòng thanh tra, pháp chế	Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và PTNT	55	Miễn thi	29	73.5	
26	KL01	Bùi Văn Đoàn	13/5/1980		Mường	Trưởng ban	BQL khu BTTN Phu Canh	55	Miễn thi	29	78.5	
27	KL02	Bùi Văn Hà	24/11/1975		Mường	Viên chức	BQL khu BTTN Ngọc Sơn - Ngổ Luông	51	Miễn thi	26	75.5	
28	KL03	Bùi Văn Hiến	06/10/1976		Mường	Viên chức	BQL khu BTTN Ngọc Sơn - Ngổ Luông	49	Miễn thi	29	78.5	
29	KL04	Nguyễn Hoàng Hiệp	22/10/1983		Kinh	Viên chức	BQL khu BTTN Ngọc Sơn - Ngổ Luông	52	21	29	78	
30	KL05	Hà Văn Hoan	15/10/1972		Thái	Công chức	Hạt Kiểm lâm Mai Châu, Sở Nông nghiệp và PTNT	48	Miễn thi	27	75	
31	KL06	Nguyễn Mạnh Huy	25/01/1984		Mường	Viên chức	BQL khu BTTN Phu Canh	53	Miễn thi	29	86.5	
32	KL07	Đinh Thanh Hưng	26/3/1983		Mường	Viên chức	BQL khu BTTN Thượng Tiến	53	Miễn thi	29	86	
33	KL08	Bùi Văn Tiềm	28/5/1979		Mường	Viên chức	BQL khu BTTN Ngọc Sơn - Ngổ Luông	51	Miễn thi	23	83	
34	KL09	Bùi Văn Tư	13/11/1985		Mường	Viên chức	BQL khu BTTN Ngọc Sơn - Ngổ Luông	52	Miễn thi	29	81	
35	KL10	Nguyễn Trung Thành	20/11/1986		Kinh	Viên chức	BQL khu BTTN Thượng Tiến	52	21	29	85.5	
36	KL11	Lường Anh Thắng	30/4/1986		Tày	Viên chức	BQL khu BTTN Ngọc Sơn - Ngổ Luông	43	Miễn thi	28	76	
37	KT46	Nguyễn Huỳnh Trang		26/3/1987	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	48	Miễn thi	26	80	
38	KT47	Nguyễn Thị Trang		10/12/1992	Kinh	Kế toán viên cao đẳng	Trường THPT Lạc Long Quân	49	Miễn thi	29	78	
39	KT48	Nguyễn Thu Trang		10/02/1989	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Trường Tiểu học Hữu Nghị	54	21	24	53	
40	KT49	Nguyễn Thị Trang		19/01/1988	Kinh	Kế toán toán viên cao đẳng	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Phong	46	Miễn thi	28	76	
41	KT50	Đoàn Văn Trường	10/5/1979		Kinh	Kế toán viên trung cấp	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Thái Thịnh	49	21	Miễn thi	65	
42	KT51	Nghiêm Cao Vinh	16/12/1987		Kinh	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình	44	Miễn thi	28	61	
43	KT52	Trần Thị Xuyến		01/9/1987	Kinh	Kế toán viên trung cấp	Trường MN Thanh Lương	58	25	21	69	
44	KT53	Đinh Thị Yến		20/8/1985	Mường	Kế toán viên trung cấp	TH&THCS Ngổ Luông	43	Miễn thi	26	81	

UBND TỈNH HÒA BÌNH

HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021

PHÒNG THI SỐ 06

THÔNG BÁO KẾT QUẢ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 3257 /TB-HĐT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Kết quả thi				Ghi chú
			Nam	Nữ			Môn Kiến thức chung *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 60 câu hỏi)*	Môn Tiếng Anh *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Môn Tin học *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Điểm môn nghiệp vụ, chuyên ngành	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	CVC125	Đỗ Tuấn An		26/8/1974	Trưởng Đại diện tại Cẩm Phả	Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh	51	30	30	57	
2	CVC126	Vũ Tuấn Anh	09/9/1977		Chi cục trưởng	Chi cục QLĐB I.4, Cục QLĐB I, Tổng cục Đường bộ Việt Nam	52	25	30	65	
3	CVC127	Nguyễn Thế Anh	11/10/1981		Chuyên viên	Phòng Pháp chế - Thanh tra, Cục Đường sắt Việt Nam	52	25	30	69	
4	CVC128	Nguyễn Mai Anh		14/08/1988	Chuyên viên	Phòng PC- Hợp tác quốc tế, Cục HKVN	53	24	30	73	
5	CVC129	Trần Đức Tuấn Anh	01/4/1978		Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn	56	Miễn thi	Miễn thi	64	
6	CVC130	Kiều Thế Anh	22/8/1985		Trưởng Đại diện Côn Đảo	Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu	55	27	28	67	
7	CVC131	Nguyễn Xuân Ánh	20/02/1983		Phó Tổng Cục trưởng	Tổng cục ĐBVN	52	Miễn thi	30	85	
8	CVC132	Nguyễn Thành Bắc	17/02/1971		Giám đốc	Chi cục Đăng kiểm Vĩnh Long, Cục ĐKVN	53	25	29	71	
9	CVC133	Nguyễn Văn Bằng	23/9/1982		Chuyên viên	Vụ Vận tải	54	30	30	68	
10	CVC134	Phan Ngọc Bích		11/10/1972	Chuyên viên	Phòng Pháp chế - KHCN, Cục Đăng kiểm Việt Nam	56	26	30	66	
11	CVC135	Hồng Ngọc Bích		05/10/1988	Chuyên viên	Vụ Vận tải	57	25	30	73	
12	CVC136	Phan Hữu Biên	31/01/1974		Chuyên viên	Vụ Đối tác công - tư	47	25	28	56	
13	CVC137	Thái Thị Khánh Chi		23/7/1980	Trưởng phòng	Phòng TCHC, Trường Cao đẳng GTVT TW IV	55	Miễn thi	30	72	
14	CVC138	Lê Hồng Chinh		02/12/1984	Chuyên viên	Phòng Quản trị thiết bị, Trường ĐH Hàng hải VN	52	26	30	71	
15	CVC139	Lê Nguyễn Trung Chính	28/01/1976		Phó trưởng Đại diện Phú Mỹ	Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu	53	26	30	66	
16	CVC140	Nguyễn Văn Doanh	29/5/1975		Chuyên viên	Vụ Quản lý doanh nghiệp	53	25	29	66	
17	CVC141	Phùng Đức Dũng	18/3/1977		Chuyên viên	Vụ Đối tác công - tư	52	27	30	61	
18	CVC142	Uông Việt Dũng	22/9/1983		Phó Chánh văn phòng	Văn phòng Bộ	50	Miễn thi	27	73	
19	CVC143	Nguyễn Văn Dũng	24/6/1967		Chuyên viên	Phòng Thanh tra - An toàn I, Cục Đường sắt Việt Nam	50	26	30	56	
20	CVC144	Đào Ngọc Dũng	15/6/1984		Chuyên viên	Phòng Vận tải HK - Cục HKVN	54	Miễn thi	30	63	
21	CVC145	Nguyễn Đức Dũng	06/01/1979		Trưởng phòng	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Cục QLĐBII, Tổng cục ĐBVN	53	29	30	70	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Kết quả thi				Ghi chú
			Nam	Nữ			Môn Kiến thức chung *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 60 câu hỏi)*	Môn Tiếng Anh *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Môn Tin học *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Điểm môn nghiệp vụ, chuyên ngành	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
22	CVC146	Nguyễn Tuấn Dũng	03/4/1972		Chuyên viên	Phòng Vận tải - An toàn giao thông, Cục ĐTNĐ VN	55	26	28	63	
23	CVC147	Nguyễn Khương Duy	25/02/1985		Chuyên viên	Phòng QLXD & KCHTĐS, Cục Đường sắt Việt Nam	49	28	27	71	
24	CVC148	Vũ Tiến Đạt		11/11/1988	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh	55	26	29	70	
25	CVC149	Đỗ Đức Giá	16/11/1973		Chuyên viên	Phòng Vận tải - An toàn giao thông, Cục ĐTNĐ VN	53	Miễn thi	30	55	
26	CVC150	Chu Văn Giác	23/5/1984		Chuyên viên	Phòng Đăng ký tàu biển và thuyền viên, Cục HHVN	49	Miễn thi	30	52	
27	CVC151	Hoàng Hồng Giang	14/6/1974		Phó Cục trưởng	Cục Hàng hải Việt Nam	55	Miễn thi	30	84	
28	CVC152	Phạm Thùy Giang		25/07/1987	Chuyên viên	Phòng Tài chính Cục HKVN	55	27	29	75	
29	CVC153	Đào Vân Hà	10/7/1975		Chuyên viên	Phòng QLXD & KHHTĐS, Cục Đường sắt Việt Nam	51	27	28	77	
30	CVC154	Lê Hồng Hà	03/12/1975		Trưởng phòng	Phòng An toàn giao thông, Cục QLĐBII, Tổng cục ĐBVN	43	28	28	61	
31	CVC155	Đinh Thị Thúy Hà		01/4/1982	Trưởng phòng	Phòng TCKT, Ban QLDA Mỹ Thuận	50	29	28	70.5	
32	CVC156	Phạm Quang Hải	21/8/1984		Phó Chánh VP	Ban QLDA 6	55	28	28	71	
33	CVC157	Phan Phùng Hải	03/4/1974		Giám đốc	Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị	41	29	28	57.5	
34	CVC158	Đỗ Thị Đào Hạnh		11/04/1976	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy, Cục HHVN	52	Miễn thi	30	75	
35	CVC159	Nguyễn Thị Minh Hảo		02/7/1981	Kế toán trưởng	Cảng vụ Hàng hải Nghệ An	51	26	29	80.5	
36	CVC160	Phạm Thúy Hiền		18/01/1977	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ, Cục ĐTND VN	53	Miễn thi	30	72.5	
37	CVC161	Cao Thị Thu Hiền		26/3/1987	Chuyên viên	Phòng Nghiệp vụ y dược, Cục Y tế GTVT	49	28	29	76.5	
38	CVC162	Nguyễn Cao Hiến	13/10/1987		Phó Vụ trưởng	Vụ Tổ chức cán bộ	55	Miễn thi	26	84.5	
39	CVC163	Phí Minh Hiệp	31/5/1980		Chuyên viên	Phòng TCCB, Cục Y tế GTVT	44	29	30	65.5	
40	CVC164	Nguyễn Phú Hiệp	11/7/1972		Trưởng phòng	Phòng Hành chính - Quản trị phía Bắc, Văn phòng Bộ	50	28	28	74.5	
41	CVC165	Ngô Minh Hiếu	06/9/1978		Phó Trưởng phòng	Phòng TCKT, Ban QLDA 6	53	Miễn thi	29	78.5	
42	CVC166	Nguyễn Thanh Hoa		25/4/1971	Trưởng phòng	Phòng Hành chính trị sự, Tạp chí Giao thông vận tải	53	29	24	67.5	
43	CVC167	Hoàng Thị Hương Hoa		26/8/1977	Phó Trưởng phòng Tổ chức hành chính	Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải Việt Nam	43	27	29	63.5	

UBND TỈNH HÒA BÌNH

HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021

PHÒNG THI SỐ 7

THÔNG BÁO KẾT QUẢ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 3257 /TB-HĐT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Kết quả thi				Ghi chú
			Nam	Nữ			Môn Kiến thức chung *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 60 câu hỏi)*	Môn Tiếng Anh *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Môn Tin học *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Điểm môn nghiệp vụ, chuyên ngành	
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*					*19*
1	CVC168	Lê Hoàng	26/10/1978		Chuyên viên	Vụ Pháp chế	49	28	27	67.5	
2	CVC169	Ngô Sĩ Huấn	20/4/1982		Chánh Văn phòng	Ban QLDA đường Hồ Chí Minh	50	29	30	67.5	
3	CVC170	Đặng Trọng Hùng	30/08/1979		Chuyên viên	Phòng Tài chính Cục HKVN	49	29	29	69.5	
4	CVC171	Võ Văn Hùng	25/5/1977		Trưởng phòng Pháp chế	Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu	48	29	29	64.5	
5	CVC172	Nguyễn Thị Huyền		20/5/1980	Chuyên viên	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng, Cục ĐTNĐ VN	53	27	29	63	
6	CVC173	Bùi Quốc Hưng	20/8/1978		Trưởng phòng	Phòng Tàu sông, Cục Đăng kiểm Việt Nam	48	Miễn thi	29	67.5	
7	CVC174	Lê Ngọc Hưng	25/11/1978		Chuyên viên	Phòng An ninh hàng không, Cục HKVN					Bỏ thi
8	CVC175	Phạm Quang Hưng		28/4/1970	Phó Trưởng phòng Thanh tra	Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh	52	29	29	72.5	
9	CVC176	Lưu Hải Hưng	24/3/1985		Chuyên viên	Phòng An toàn an ninh hàng hải, Cục HHVN	47	Miễn thi	29	67.5	
10	CVC177	Nguyễn Thị Thu Hương		10/03/1977	Chuyên viên	Phòng Tiêu chuẩn ATB - Cục HKVN	53	29	30	70	
11	CVC178	Phạm Văn Hướng	05/10/1984		Phó Trưởng phòng	Phòng Kế hoạch và QLDA, Viện KH&CN GTVT	54	27	30	68	
12	CVC179	Phạm Đình Kiêu	21/6/1970		Đội trưởng	Đội Thanh tra an toàn số 3, Chi cục ĐTNĐ phía Bắc, Cục ĐTNĐ VN	44	27	27	67	
13	CVC180	Đặng Trần Khanh	25/8/1976		Phó Trưởng phòng	Phòng Kiểm định xe cơ giới, Cục Đăng kiểm Việt Nam	52	28	Miễn thi	72	
14	CVC181	Trương Hoàn Lạc	25/3/1967		Giám đốc	Cảng vụ Hàng hải Quảng Nam	51	24	30	57	
15	CVC182	Phan Duy Lai	24/9/1979		Phó Giám đốc	Ban QLDA Mỹ Thuận	51	25	26	55	
16	CVC183	Trịnh Thị Phương Lan		03/9/1984	Chuyên viên (Công tác sinh viên)	Viện Cơ khí, Trường ĐH Hàng hải VN	50	26	30	55	
17	CVC184	Đỗ Ngọc Lan		12/8/1980	Trưởng phòng Tổ chức hành chính	Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải Việt Nam	45	26	Miễn thi	68	
18	CVC185	Nguyễn Văn Liêm	26/02/1981		Trưởng phòng Thanh tra-An toàn an ninh HH	Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn, Cục HHVN	48	Miễn thi	Miễn thi	61	
19	CVC186	Nguyễn Giao Linh	04/01/1987		Chuyên viên	VP Ủy ban ATGT Quốc Gia	56	28	29	61	
20	CVC187	Hoàng Triệu Long	03/9/1976		Trưởng phòng	Phòng Kế hoạch tổng hợp, Ban QLDA 6	53	23	30	71	
21	CVC188	Phan Thị Thanh Mai		04/7/1970	Phó Chánh VP	Ban QLDA 6	52	27	26	64	
22	CVC189	Đỗ Nga Mi		15/06/1983	Chuyên viên	Phòng Tài chính Cục HKVN	51	25	30	68	
23	CVC190	Trần Thái Minh	30/4/1982		Chuyên viên	Vụ Khoa học công nghệ	54	Miễn thi	28	64.5	
24	CVC191	Phạm Văn Minh	16/8/1971		Phó Giám đốc	Ban QLDA 6	51	26	30	56	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Kết quả thi				Ghi chú
			Nam	Nữ			Môn Kiến thức chung *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 60 câu hỏi)*	Môn Tiếng Anh *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Môn Tin học *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Điểm môn nghiệp vụ, chuyên ngành	
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*					*19*
25	CVC192	Vũ Tú Nam	17/01/1977		Trưởng Đại diện tại Cát Hải	Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng	52	28	30	68	
26	CVC193	Lê Hoàng Nam	22/12/1979		Phó Trưởng phòng	Phòng Pháp chế - Anh toàn, Cảng vụ ĐTNĐ khu vực IV, Cục ĐTNĐ VN	50	25	30	64	
27	CVC194	Đỗ Thị Nết		05/9/1980	Trưởng phòng Tổ chức hành chính	Trung tâm Thông tin ANHH	55	26	Miễn thi	67	
28	CVC195	Hồ Như Ninh	03/6/1980		Phó Trưởng phòng	Phòng QLBT ĐB, Cục QLĐBIII, Tổng cục ĐBVN	52	26	29	68	
29	CVC196	Nguyễn Đại Nghĩa	27/6/1983		Chuyên viên Vụ Tổ chức hành chính	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	51	24	29	72	
30	CVC197	Chu Thị Nhàn		12/5/1988	Chuyên viên	Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Bộ	50	26	30	69	
31	CVC198	Lương Duy Nhiệm	21/4/1974		Chuyên viên	Phòng Pháp chế - Thanh tra, Cục ĐTNĐ VN	52	Miễn thi	29	60	
32	CVC199	Vũ Đức Phúc	30/3/1983		Chuyên viên	VP Ủy ban ATGT Quốc Gia	51	29	30	59	
33	CVC200	Nguyễn Văn Phương	08/01/1972		Phó Trưởng phòng	Phòng Chất lượng xe cơ giới, Cục ĐKVN	48	27	29	63.5	
34	CVC201	Nguyễn Việt Phương	17/6/1979		Chi cục trưởng	Chi cục QLĐBII.2, Cục QLĐBII, Tổng cục ĐBVN	51	24	29	69	
35	CVC202	Dương Hùng Phương	01/01/1978		Trưởng phòng Tổ chức Hành chính	Cảng vụ ĐTNĐ khu vực IV, Cục ĐTNĐ VN	44	25	28	70	
36	CVC203	Trần Anh Quân	07/4/1978		Chuyên viên	Vụ Pháp chế - Thanh tra, Tổng cục ĐBVN	51	26	30	57	
37	CVC204	Vũ Quý	07/12/1975		Phó Chánh VP	Ban QLDA Đường sắt	49	29	29	61	
38	CVC205	Phan Lê Quyên		01/08/1979	Chuyên viên	Phòng Tiêu chuẩn ATB - Cục HKVN	54	Miễn thi	30	58	
39	CVC206	Trần Văn Sáng	06/02/1984		Chuyên viên	Vụ Tổ chức cán bộ	56	30	28	68	
40	CVC207	Trần Thanh Sơn	17/10/1976		Chuyên viên	Phòng Vận tải HK - Cục HKVN	54	Miễn thi	30	66	
41	CVC208	Lưu Hùng Sơn	08/3/1977		Chi cục trưởng	Chi cục QLĐBII.1, Cục QLĐBII, Tổng cục ĐBVN	47	27	28	71	
42	CVC209	Nguyễn Thái Sơn	24/12/1986		Chuyên viên	VP Ủy ban ATGT Quốc Gia	54	27	30	54	

UBND TỈNH HÒA BÌNH

HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021

PHÒNG THI SỐ 08

THÔNG BÁO KẾT QUẢ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 3257 /TB-HĐT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Kết quả thi				Ghi chú
			Nam	Nữ			Môn Kiến thức chung *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 60 câu hỏi)*	Môn Tiếng Anh *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Môn Tin học *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Điểm môn nghiệp vụ, chuyên ngành	
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*					*19*
1	CVC210	Trần Văn Tại	16/4/1968		Giám đốc	CVHH Kiên Giang	56	27	30	59	
2	CVC211	Nguyễn Minh Tân	2/11/1976		Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng	46	Miễn thi	Miễn thi	55	
3	CVC212	Lê Ngọc Tú	20/4/1982		Phó Trưởng phòng	Phòng Tàu sông, Cục Đăng kiểm Việt Nam	57	27	30	60	
4	CVC213	Vũ Anh Tú	13/7/1985		Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ, Cục HHVN	46	29	30	65	
5	CVC214	Lê Đức Tuân	11/3/1977		Phó Giám đốc	Ban QLDA Mỹ Thuận	51	25	28	54	
6	CVC215	Phạm Văn Tuấn	03/4/1984		Chuyên viên	Chi cục QLĐB I.6, Cục QLĐB I, Tổng cục Đường bộ Việt Nam	50	29	30	68	
7	CVC216	Vũ Ngọc Tuấn	16/01/1979		Chuyên viên	Phòng Quản lý hoạt động bay, Cục HKVN	50	27	29	56	
8	CVC217	Hoàng Anh Tuấn	15/8/1984		Chuyên viên	Phòng Tổng hợp - Truyền thông, Văn phòng Bộ	51	28	29	61	
9	CVC218	Trần Anh Tuấn	30/06/1979		Trưởng phòng	Phòng Tài vụ, Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn	50	Miễn thi	Miễn thi	63	
10	CVC219	Võ Minh Tuấn	14/5/1967		Phó Giám đốc	CVHH Kiên Giang	50	29	29	59	
11	CVC220	Vũ Thanh Tùng	29/3/1986		Chuyên viên	Phòng Khoa học công nghệ và Môi trường, Cục HKVN	55	27	30	62	
12	CVC221	Nguyễn Đức Tùng	7/11/1969		Giám đốc	Cảng vụ Hàng hải Quảng Bình	48	26	30	62	
13	CVC222	Nguyễn Thúy Tuyết		19/8/1984	Chuyên viên	Vụ Pháp chế	57	30	30	66	
14	CVC223	Trần Thị Tuyết		20/8/1982	Phó Trưởng phòng	Phòng Hành chính trị sự, Tạp chí Giao thông vận tải	47	23	27	67	
15	CVC224	Cao Văn Tư	30/9/1973		Giám đốc	Trung tâm Đăng kiểm số 29-04V, Cục ĐKVN	45	29	29	65	
16	CVC225	Vũ Ngọc Thạch	06/3/1966		Giám đốc	Chi cục Đăng kiểm Kiên Giang, Cục ĐKVN	48	28	30	59	
17	CVC226	Đỗ Quang Thái	24/4/1983		Chuyên viên	Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Bộ	50	29	30	68	
18	CVC227	Trần Văn Thành	15/5/1976		Trưởng phòng	Phòng TCKT, Viện KH&CN GTVT	50	29	30	66	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Kết quả thi				Ghi chú
			Nam	Nữ			Môn Kiến thức chung (Số câu trả lời đúng trên tổng số 60 câu hỏi)	Môn Tiếng Anh (Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)	Môn Tin học (Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)	Điểm môn nghiệp vụ, chuyên ngành	
1		2	3	4	5	6					19
19	CVC228	Nguyễn Thị Thảo		01/01/1983	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Bệnh viện GTVT TP HCM, Cục Y tế GTVT	50	27	29	67	
20	CVC229	Phạm Gia Thắng	02/12/1976		Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch đầu tư	Cục Đăng kiểm Việt Nam	48	28	30	70	
21	CVC230	Nguyễn Quang Thắng	05/10/1983		Chánh Văn phòng	Ban QLDA 4, Tổng cục Đường bộ Việt Nam	52	30	30	74	
22	CVC231	Lê Minh Thắng	02/9/1966		Phó Giám đốc	Cảng vụ HKMB	44	Miễn thi	29	57	
23	CVC232	Nguyễn Văn Thắng	20/12/1972		Trưởng đại diện	Trưởng đại diện Cảng vụ HK miền Nam tại CHK QT Long Thành					Bỏ thi
24	CVC233	Trần Văn Thắng	20/02/1983		Trưởng phòng Pháp chế	Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh	47	26	29	60	
25	CVC234	Nguyễn Minh Thoa		16/02/1982	Viên chức phòng Tài chính - Kế toán	Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải Việt Nam	45	29	29	78.5	
26	CVC235	Trần Trung Thông	06/10/1973		Chuyên viên	Phòng Kế hoạch - Đầu tư, Cục HHVN	52	Miễn thi	30	65.5	
27	CVC236	Nguyễn Ngọc Thuỷ		18/11/1981	CV phòng TCHC	Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu	53	24	30	63.5	
28	CVC237	Nghiêm Thị Thủy		08/6/1983	Chuyên viên	Phòng Văn thư - Lưu trữ, Văn phòng Bộ	50	26	29	70	
29	CVC238	Hoàng Thanh Thủy	18/02/1985		Chuyên viên	VP Đảng ủy, Trường ĐH Hàng hải VN	51	Miễn thi	29	67.5	
30	CVC239	Hoàng Văn Thủy	01/3/1983		Phó Giám đốc	Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa	52	Miễn thi	29	63.5	
31	CVC240	Lê Thị Kim Thúy		28/5/1979	Chuyên viên	Vụ Pháp chế	55	24	28	70.5	
32	CVC241	Đỗ Thị Thúy		21/6/1982	Chuyên viên Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng	Trường ĐH Hàng hải VN	50	26	29	67.5	
33	CVC242	Võ Xuân Thủy	14/9/1968		Phó Giám đốc	Cảng vụ Hàng hải Nghệ An	48	24	29	61.5	
34	CVC243	Nguyễn Thành Trung	03/11/1981		Chuyên viên	Phòng Tổng hợp - Truyền thông, Văn phòng Bộ	52	27	30	77	
35	CVC244	Trần Ngọc Trung	02/10/1978		Chuyên viên	Phòng QLXD & KCHTĐS, Cục Đường sắt Việt Nam	50	25	30	76	
36	CVC245	Chu Thành Trung	25/7/1986		Chuyên viên	Vụ Tài chính	50	28	29	68	
37	CVC246	Hoàng Xuân Trung	23/11/1986		Chuyên viên	Vụ Tài chính	48	27	29	75	
38	CVC247	Huỳnh Văn Út	10/8/1971		Q.Giám đốc	Cảng vụ ĐTNĐ khu vực IV, Cục ĐTNĐ VN	46	23	29	60	
39	CVC248	Cao Đức Việt	03/02/1972		Chuyên viên Phòng Quản lý hạ tầng	Chi cục ĐTNĐ phía Bắc, Cục ĐTNĐ VN	50	26	28	57	
40	CVC249	Phan Thanh Việt	25/6/1976		Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Cảng vụ Hàng hải Mỹ Tho	56	28	30	69.5	
41	CVC250	Nguyễn Hữu Vinh	22/02/1982		Chuyên viên	Vụ Đối tác công - tư	55	25	27	67.5	
42	CVC251	Trương Thị Hải Yến		09/03/1982	Chuyên viên	Phòng Tiêu chuẩn ATB - Cục HKVN	49	Miễn thi	30	70	

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH HÒA BÌNH

UBND TỈNH HÒA BÌNH

HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021

PHÒNG THI SỐ 09

THÔNG BÁO KẾT QUẢ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 3254/TB-HĐT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức năm 2021)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Kết quả thi				Ghi chú
			Nam	Nữ			Môn Kiến thức chung *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 60 câu hỏi)*	Môn Tiếng Anh *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Môn Tin học *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Điểm môn nghiệp vụ, chuyên ngành	
1	*2*	*7*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*19*
1	CV25	Luyện Đức Anh	30/08/1987		Cán sự	Phòng Giám sát An ninh hàng không, Cảng vụ HKMB	57	30	29	68	
2	CV26	Nguyễn Thị Thu Dung		02/07/1989	Cán sự	Đại diện CVHK tại CHK Cam Ranh	48	28	27	79	
3	CV27	Ngô Linh Giang		22/04/1988	Cán sự	Đại diện Cảng vụ HK tại CHK Vinh, Cảng vụ HKMB	51	29	30	68	
4	CV28	Nguyễn Hoàng Hiệp	01/01/1977		Cán sự	Phòng Tổ chức hành chính, Học viện Hàng không Việt Nam	48	26	24	59	
5	CV29	Ngô Thị Hoa		07/01/1989	Cán sự	Phòng Tổ chức - Hành chính, Cảng vụ HKMB	59	29	30	62	
6	CV30	Cao Văn Huy	04/03/1984		Cán sự	Phòng Pháp chế, Cảng vụ HH Thái Bình	47	23	28	58	
7	CV31	Dương Quốc Khánh	07/10/1985		Cán sự	Phòng Pháp chế- Thanh tra, Cảng vụ HKMB	55	28	27	62	
8	CV32	Phạm Quỳnh Lan		04/12/1979	Cán sự	Phòng Tài chính kế toán, Ban QLDA Đường sắt	48	28	30	66	
9	CV33	Hồ Thị Phương Lê		14/11/1983	Cán sự	Đại diện Cảng vụ HK tại CHK Vinh, Cảng vụ HKMB	52	27	26	69	
10	CV34	Đồng Đức Mạnh	09/8/1983		Cán sự	Trưởng đại diện Cảng vụ HK miền Nam tại CHK Phú Quốc	48	26	30	62	
11	CV35	Đặng Hoàng Minh	08/12/1990		Cán sự	Phòng TC-HC, Cảng vụ ĐTNĐ khu vực IV, Cục ĐTNĐ VN	52	27	28	61	
12	CV36	Bùi Thị Nhung		07/03/1987	Cán sự	Phòng Giám sát chất lượng và vận tải hàng không Cảng vụ Hàng không Miền Trung	48	Miễn thi	29	65	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Kết quả thi				Ghi chú
			Nam	Nữ			Môn Kiến thức chung *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 60 câu hỏi)*	Môn Tiếng Anh *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Môn Tin học *(Số câu trả lời đúng trên tổng số 30 câu hỏi)*	Điểm môn nghiệp vụ, chuyên ngành	
1	*2*	*7*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*19*
13	CV37	Võ Văn Quang	24/6/1990		Cán sự	Phòng TC-HC, Cảng vụ ĐTNĐ khu vực IV, Cục ĐTNĐ VN	52	26	Miễn thi	66	
14	CV38	Nguyễn Tài Sơn	06/4/1986		Cán sự	Văn phòng - Ban QLDA đường Hồ Chí Minh	48	23	Miễn thi	78	
15	CV39	Trần Hoàng Tùng	25/12/1986		Cán sự	Đại diện Cảng vụ HK tại CHK Cát Bi, Cảng vụ HKMB	57	29	29	68	
16	CV40	Lê Thị Thắng		06/02/1982	Cán sự	Văn phòng Bộ	52	22	26	66	
17	CV41	Đỗ Văn Thọ	21/02/1984		Cán sự	Văn phòng - Ban QLDA đường Hồ Chí Minh	51	29	30	68	
18	CV42	Nguyễn Thị Xuân Thoa		01/10/1988	Chuyên viên cao đẳng	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Cảng vụ Hàng không Miền Trung	55	Miễn thi	27	76	
19	CV43	Nguyễn Thị Trang		24/01/1993	Cán sự	Văn phòng Ban Quản lý dự án 3, Tổng cục ĐBVN	56	27	30	61	
20	CV44	Đỗ Thị Huyền Trang		06/06/1989	Cán sự	Phòng Tổ chức hành chính, Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang	51	25	29	68	
21	CV45	Phạm Như Nguyễn Đài Trang		16/11/1992	Cán sự	Phòng Giám sát chất lượng và vận tải hàng không Cảng vụ Hàng không Miền Trung	57	28	29	83	
22	CV46	Nguyễn Thế Vinh	15/10/1983		Cán sự	Phòng Giám sát An toàn hàng không, Cảng vụ HKMB	53	29	28	83	
23	KT54	Mai Thị Phương Hiền		23/02/1985	Thủ quỹ	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Cảng vụ Hàng không miền Trung, Cục HKVN	48	26	30	71	
24	KT55	Nguyễn Phương Nhung		13/8/1982	Kế toán trung học	Bệnh viện GTVT Yên Bái, Cục Y tế GTVT	53	28	30	78	
25	KT56	Đồng Thị Kim Thúy		30/7/1980	Kế toán trung học	Bệnh viện GTVT Nha Trang, Cục Y tế GTVT	47	27	28	75	

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH HÒA BÌNH